

中國文化大學國際專修部學生獎助學金辦法一覽表
Quy Định Học bổng Chương trình Dự bị Đại học dành cho Sinh viên Quốc tế CCU

學雜費 Học phí	
申請資格 Điều kiện nộp đơn	補助方式 Hình thức hỗ trợ
修讀華語先修課程期間 Trong thời gian học dự bị tiếng Hoa : - 修課期間行為表現無不良紀錄者 Không có hành vi vi phạm hoặc hồ sơ kỷ luật. - 單月缺課時數不得超過 12 小時以上 (因重大事故缺課者，不在此限) Tổng số giờ vắng mặt mỗi tháng không vượt quá 12 giờ (trường hợp vắng mặt do bệnh nặng hoặc tai nạn nghiêm trọng không tính vào).	符合申請條件者，就讀大學第一年可獲得 30%學雜費減免 Sinh viên đáp ứng điều kiện sẽ được giảm 30% học phí trong năm nhất đại học.
修讀大學部課程期間 Trong thời gian học chương trình đại học : - 當學期學業平均達 70 分以上，操行成績 80 分以上 Điểm trung bình học tập mỗi học kỳ đạt từ 70 trở lên, điểm hạnh kiểm đạt từ 80 trở lên. - 第一年結束前通過華文能力 TOCFL Level 3 進階級 (B1 級) 以上，且行為表現無不良紀錄者 Trước khi kết thúc năm nhất, phải đạt chứng chỉ năng lực Hoa ngữ TOCFL Level 3 (B1) trở lên và không có hành vi vi phạm. - 當學期缺課狀況不得達全學期時數 5 分之 1 Tổng giờ vắng trong học kỳ không vượt quá 1/5 tổng số giờ học của học kỳ đó.	符合申請條件者，就讀大學第二年可獲得 30%學雜費減免，第三年可獲得 20%學雜費減免 Sinh viên đáp ứng điều kiện sẽ được giảm 30% học phí năm hai và giảm 20% học phí năm ba.

住宿費 Phí ký túc xá

申請資格 Điều kiện nộp đơn	補助方式 Hình thức hỗ trợ
自入學第二學期起，完成 60 小時服務時數之住宿生 Từ học kỳ thứ hai kể từ khi nhập học trở đi, sinh viên cư trú tại ký túc xá và hoàn thành 60 giờ phục vụ cho trường.	符合申請條件者，減免下一學期及寒、暑假住宿費 Sinh viên đáp ứng điều kiện sẽ được miễn phí ký túc xá cho học kỳ tiếp theo và kỳ nghỉ đông hoặc hè.

審查程序 Quy trình xét duyệt

每學期結束前，由國際暨兩岸事務處會同華語中心或系所老師審查後，提出推薦獲獎學生及金額，簽請校長核定。

Trước khi kết thúc mỗi học kỳ, Văn phòng Quốc tế và Quan hệ Đại Lục sẽ phối hợp cùng Trung tâm Hoa ngữ hoặc giáo viên khoa liên quan để tiến hành xét duyệt. Sau khi xác định danh sách sinh viên được đề cử và mức học bổng tương ứng, hồ sơ sẽ được trình lên Hiệu trưởng để phê duyệt.